

NGƯỢC DÒNG SÔNG MEKONG THỜI HOANG DÃ 1866 - 1873

Ngô Thế Vinh

ABSTRACT: Only some one hundred years ago, the Western world did not know the source of the mighty Mekong river and the nature of its course. River Road to China, the Mekong River Expedition 1866-1873 by Milton Osborne is a book based on the explorers' own writings. It is not only a story but also a history. It traces the adventure of Doudart de Lagre', Francis Garnier and their friends. These six Frenchmen headed a heroic expedition in an attempt to solve the Mekong mystery and to search for a navigable route from Saigon to China. They left Saigon in 1866, moved slowly forward, never knowing what lay ahead. Obstacles like falls, floods, forest fever, dysentery and death took their toll. When the expedition ended in 1868, two long years after it had begun, the search for a trade route to China still unachieved. Francis Garnier was the dominant and fascinating figure of the French Expedition Team. For Garnier, the advance of France into the countries of the Far East for Mission Civilisatrice - was a cause to dream about, to sacrifice for and finally to die for. On June 29, 1868 by way of Shanghai Garnier returns to Saigon with Lagre's coffin and with the disappointment of an incomplete mission. On October 11, 1873 Garnier left Saigon for Tonkin (North Vietnam). On November 20, Garnier captured the Hanoi Citadel. A century after the French Expedition, the Mekong river has not changed dramatically. However, the waning of war in Indochina brings about hope for regional cooperation and prosperity. This has consequently given rise to project of series of dams and reservoirs. The turbulent Mekong once again becomes a river with promises to keep.

Từ Tây Tạng tới Việt Nam, dọc theo suốt chiều dài của con sông Mekong (đứng hàng thứ 3 (??) của Châu Á và hàng thứ 12 của cả thế giới) đang có những dự án xây dựng và phát triển các đập thủy điện đem lại hy vọng thịnh vượng cho các quốc gia trong vùng nhưng đồng thời

cũng gây mối e ngại về những tác hại không thể lường trước được trên môi sinh.

• DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH

Câu chuyện sông Mekong đã và đang ngày một gắn bó với tương lai vận mệnh của Việt Nam. Sắp qua rồi thời kỳ hoang dã của con sông dài hơn 4200 cây số chảy qua lãnh thổ của bảy nước (kể cả Tây Tạng) nhưng ngót một nửa chiều dài chảy ngang trên lãnh thổ Trung Quốc. Đã 6 năm (*bài viết 4/97) kể từ ngày Thomas O'Neill ký giả từ National Geographics hoàn tất chuyến du hành xuôi dòng sông Mekong bắt đầu từ thượng nguồn cao nguyên Tây Tạng xuống hạ lưu sông Cửu Long ra tới cửa Biển Đông; và cũng đã hơn 130 năm kể từ ngày một nhóm nhỏ người Pháp khởi hành từ Sài Gòn ngược dòng sông ấy để đi tìm một thủy lộ mở đường giao thông với Trung Hoa. Cùng với Milton Osborne, tác giả "River Road to China_ The Mekong River Expedition 1866-1873" chúng ta thử tìm lại khoảng thời gian đã mất trong chuyến đi hào hùng nhưng không kém phần bi thảm của đoàn thám hiểm Pháp vào hậu bán thế kỷ thứ 19 trong bối cảnh từng bước thực dân Pháp tiến tới thuộc địa hóa toàn cõi Đông Dương. Tưởng cũng nên lưu ý bạn đọc tên tuổi viên sĩ quan hải quân Francis Garnier không chỉ là phó trưởng đoàn thám hiểm sông Mekong, cũng chính Garnier là người chỉ huy cuộc đánh chiếm Hà Nội ngày 20 tháng 11 năm 1873, áp đặt nền đô hộ của Pháp trên cả ba kỳ của Việt Nam.

• VỚI NHỮNG TÊN KHÁC NHAU

Do con sông chảy qua những vùng dân cư nói bằng nhiều ngôn ngữ, có ít nhất 5 ngôn ngữ chính: Hoa, Miến, Thái (gồm cả Lào), Cam Bốt và Việt Nam; đó là chưa kể những thổ ngữ của các sắc dân thiểu số sống rải rác trong vùng. Các học giả cũng đã từng tranh luận về ý nghĩa những tên khác nhau của con sông. Ban đầu vì không biết được thượng nguồn, người ta gọi tên bằng lãnh thổ nó đi qua, như người Pháp đã dùng tên le Cambodge để gọi khúc sông chảy qua nước này. Riêng người Trung Hoa khi thì gọi là Lan Thương Giang, người Lào có tên Mea Nam Khong hay sông mẹ, người Cam Bốt có tên riêng Tonle Thom có nghĩa là con sông lớn, hay người Việt Nam có tên Cửu Long để chỉ con sông của họ.

Nhưng rồi do ảnh hưởng của Anh Pháp và Thái Lan, tên sông Mekong được giới chức ngoại giao chấp nhận trên bản đồ, có lẽ bắt nguồn từ một tên gốc Thái, theo cách phiên âm của người Bồ đào nha, với tên gọi Mecon, Mecom hay Mekong_ có ý nghĩa thơ mộng là “ø mẹ của các con suối.”

Từ nay và trong suốt bài này Mekong sẽ là tên gọi của con sông từ thượng nguồn xuống tới cửa Biển Đông.

• MỐI QUAN TÂM TỪ SÀI GÒN

Năm 1860, Pháp đã thiết lập được nền hành chánh bảo hộ ở Sài Gòn. Nhưng theo báo Courier de Saigon lúc ấy thì cuộc sống những người Pháp ở đây đã chẳng sáng sủa gì: họ luôn luôn bị đe dọa bởi các bệnh miền nhiệt đới, nhiều người chết rất trẻ ở cái tuổi mới ngoài ba mươi vì những loại bệnh sốt, sốt rét và kiết lỵ. Một số người sống sót thì có thái độ chịu đựng; nhưng một số khác thì tỏ vẻ bất mãn về giá trị thương mại của thuộc địa Nam Kỳ lúc đó nên muốn tìm tới một triển vọng làm ăn khá hơn cho chính họ và cho cả nước Pháp và họ bắt đầu quan tâm tới khả năng khai thác con sông Mekong. Cũng thời gian đó đã có những cuộc thảo luận về điều mà họ gọi là “ý tưởng lớn”. Người khởi xướng và hướng dẫn các cuộc thảo luận đó không ai khác hơn là Francis Garnier lúc đó mới 24 tuổi đang giữ chức vụ đô trưởng Chợ Lớn. Là một sĩ quan hải quân trẻ tuổi vóc người thon nhỏ nhưng lại đầy tham vọng nên được các bạn đồng sự gán cho biệt danh “cô gái Nã Phá Luân_ Mademoiselle Bonaparte.” Garnier không chỉ đam mê với viễn tượng các cuộc phiêu lưu tới “những vùng chưa biết không thể cưỡng lại được ấy”, nhưng anh ta còn có niềm tin rằng “một quốc gia như nước Pháp, mà không có thuộc địa là một quốc gia chết.” Tới năm 1865, ước muốn khám phá sông Mekong hầu như được chấp nhận rộng rãi từ giới chức thuộc địa Nam Kỳ lẫn phía bên Pháp. Và kết quả những cuộc họp ấy đã đưa tới sự hình thành một đoàn thám hiểm. Họ gồm sáu người, tuổi trẻ rạng rỡ và có học thức, sống giữa thế kỷ 19_ thế kỷ của chịu đựng và khắc kỷ. Họ có chung tham vọng về mở mang thêm thuộc địa, tranh giành ảnh hưởng với người Anh và cả tin về chức năng khai hóa_ mission civilisatrice, của nước Pháp đối với các dân tộc Á Phi mà họ cho là còn bán

khai. Điều ngạc nhiên Garnier không phải là trưởng đoàn mà là một người khác:

Doudart de Lagrée, 42 tuổi, một con người trầm tĩnh, tốt nghiệp trường Bách Khoa, cũng là sĩ quan hải quân, lúc đó đang là đại diện của Pháp ở triều đình Nam Vang từ hai năm.

Francis Garnier, cá tính đối nghịch với Lagrée, đam mê sôi nổi, tin tưởng mạnh mẽ ở tiềm năng sông Mekong như một thủy lộ dẫn tới sự trù phú của miền nam nước Trung Hoa, phó đoàn.

Louis Delaporte, sĩ quan hải quân, 24 tuổi nhạc sĩ tài tử và là một họa sĩ ký họa mới tới Nam Kỳ một năm, với nhiệm vụ ghi lại hình ảnh sinh hoạt của đoàn thám hiểm.

Clovis Thorel và Lucien Joubert không chỉ là hai bác sĩ trong đoàn, Thorel là nhà nghiên cứu thực vật còn Joubert giữ vai trò chuyên viên địa chất. Louis de Carné, người trẻ tuổi nhất được nhập đoàn với tư cách đại diện bộ ngoại giao Pháp do gốc gác là cháu của La Grandière đang là thống đốc Nam Kỳ lúc đó.

Dĩ nhiên phải kể tới con số 16 người được tuyển mộ làm thông ngôn và phu phen tháp tùng theo đoàn trong đó có 7 người Việt Nam.

Ngoài vàng bạc thỏi, đô la và tiền Thái dùng làm lộ phí cho đoàn, họ còn mang theo 150 kiện đồ dùng và thực phẩm, dĩ nhiên có cả rượu gồm 700 lít rượu vang cộng thêm với 300 lít rượu mạnh khác.

Họ khởi hành từ Sài Gòn trong bước đầu của một cuộc hành trình hoàn toàn êm thấm và đầy ắp lạc quan tới thủ đô Nam Vang, bắt đầu một sứ mạng lớn lao mà Đô đốc hải quân Pháp Paul Reveillère cho là: “Có tầm vóc xứng đáng với đam mê của thế kỷ.”

• SAMBOR THÁC GHÈNH ĐẦU TIÊN TRÊN ĐẤT MIỀN

Năm 1866: ngày 05 tháng 06, đoàn rời Sài Gòn trên một chiến hạm có vũ trang, khởi đầu đi Kompong Luong ngay phía bắc Nam Vang, họ cũng đến thăm khu đền đài Angkor trước khi tới Nam Vang . Ngày 07 tháng 07, đoàn từ Nam Vang đi Kratié theo hướng đông bắc. Trước mắt không xa là thị trấn Sambor với một vùng ghềnh thác đầu tiên rõ ràng không thể vượt qua bằng tàu. Họ phải cần tới 2 ngày ròng để chuyển

đồ từ tàu lên bờ rồi chất xuống những chiếc thuyền độc mộc, phương tiện duy nhất để đưa đoàn thám hiểm ngược dòng về hướng bắc. Chỉ là những thuyền nhỏ không có động cơ, sức đẩy chỉ là do người chèo chống nhưng rồi họ cũng tới gần được chân thác Sambor. Đó là một con thác mênh mông chảy siết vào mùa nước lũ nhưng vào mùa khô thì chồi lên những cồn bãi giữa vô số những con thác nhỏ. Bây giờ là giữa tháng 7 đang mùa lũ, con sông trải rộng tới hàng dặm, nước dâng cao hơn thêm năm mét so với mức thấp bình thường, ngập hết cồn bãi, chỉ còn thấy nhô lên từ mặt nước là những chòm cây vĩa trong gió. Sức nước thì chảy siết, thuyền chỉ chậm chạp nhích tới được bằng sức kéo của đoàn người đi dọc theo bờ sông phía đông. Chưa ý thức được những khó khăn khác đang chờ họ ở phía trước; tại thác Sambor, Garnier vẫn lạc quan tin tưởng rằng khúc thác có thể vượt qua với tàu có mã lực lớn. Nhưng chỉ cần sang tới ngày hôm sau, họ đã tới khúc thử thách nhất của con thác. Họ chẳng còn thấy giới hạn đâu là bờ bãi, đâu là dòng chính, chỉ thấy những đoạn nông sâu thật bất chợt. Không có cả bãi nghỉ, đoàn phải ở lại trên thuyền qua đêm không ngủ trong sấm sét và mưa bão. Qua bao nguy hiểm, cuối cùng họ cùng vượt qua được 50 cây số của thác ghềnh để tới được Stung Treng. Tại đây trong khi Lagrée trưởng đoàn muốn thám hiểm phụ lưu Se Kong, thì Garnier lại chọn cuộc phiêu lưu khá kỳ cục là xuôi trở lại theo con thác bên phía hữu ngạn với hy vọng tìm cho được thủy lộ an toàn đi từ thị trấn Sambor tới Stung Treng. Một ý muốn mà những người Miên thấp túng giàu kinh nghiệm cho là điên khùng nên đã không tuân lệnh cho dù được hứa hẹn trả công gấp đôi. Cuối cùng Garnier phải rút súng hăm dọa nên họ phải miễn cưỡng đi theo. Sau đây là mấy dòng nhật ký của Garnier ...trên dòng nước chảy siết và đã quá trễ để quay trở lại. Con nước lao tới như mũi tên bắn, giận dữ cuồng nộ sủi bọt khi gặp sức cản của những ngọn cây hay mô đá. Chỉ một sơ xuất con thuyền chúng tôi có thể vỡ tan ra thành từng mảnh vụn. Và bây giờ thì Garnier ý thức được rằng chẳng có tàu bè nào có thể vượt qua được con thác Sambor ấy. Khi Garnier trở lại được Stung Treng thì cuộc hành trình đã kéo dài gần hai tháng, và bao nhiêu hy vọng ban đầu gần như là tiêu tán. Nhưng họ vẫn tiếp tục cuộc khảo sát và tiến tới. Trong không khí chẳng mấy lạc quan ấy, thì

Garnier và Joubert bắt đầu ngã bệnh. Không phải kiết lỵ mà là bệnh “sốt rừng_ forest fever”, trong khi Joubert may mắn hồi phục trong mười ngày thì Garnier bị hôn mê kéo dài suốt ba tuần lễ. Cho dù Garnier trong tình trạng tính mạng bị đe dọa, Lagrée trưởng đoàn quyết định tiếp tục cuộc hành trình mang theo người phó đoàn trên thuyền dù còn đang bất tỉnh. Bốn ngày sau đoàn tới gần chân thác Khone và cũng là ngày Garnier bắt đầu tỉnh lại nhưng sức khỏe thì suy kiệt với tóc rụng da bong và chân trái hầu như bị liệt. Garnier chỉ thực sự hồi phục sáu tháng sau bằng tất cả sức mạnh của ý chí và lòng ham sống. Bản tường trình của đoàn thật vắn tắt không chút xúc cảm gửi về cho thống đốc Nam Kỳ La Grandière với dòng chữ cuối như sau “Tình hình sức khỏe đoàn nói chung là tốt so với điều kiện mà chúng tôi hiện sinh sống.”

• THÁC KHONE, LẠI MỘT THỬ THÁCH TRÊN ĐẤT LÀO

Họ đã nghe nói tới thác Khone, họ đã từng tưởng tượng đó như một Niagara thứ hai, nghĩa là một thác nước duy nhất đổ trút xuống từ trên cao. Nhưng rồi đó chẳng phải một Niagara, mà lại là một chuỗi những ghềnh và thác trải dài gần 14 cây số đan móc vào với nhau từ bờ bên này tới bờ kia. Cảnh tượng thật ngoạn mục với vang âm tiếng nước đổ sủi bọt tung tóe trên các ghềnh đá xa gần khác nhau. Qua chuyến thám sát sơ khởi, Lagrée nhận định rằng không thể nào di chuyển theo dòng chính, các con thác cao nhất thì ở bờ phía tây, chỉ còn bờ phía đông là khả dĩ đoàn có thể dùng thuyền nhỏ di chuyển. Sức mạnh của con nước có thể thấy rõ từ chân thác với xác chết của cá và cả cá sấu từ trên cao bị cuốn đập vào những khe đá. Họ còn phải đương đầu với cả những hiểm nguy chết người khác: như cọp dữ và các loại ác thú, riêng Delaporte cũng đã suýt chết vì nạn cát lún, đó là chưa kể nỗi kinh tởm hầu như hàng ngày của muỗi và đĩa vắt. Như dự tính, đoàn men theo bờ đông tiến một cách chậm chạp ngược dòng nước chảy siết; và phải mất hơn một ngày trời để vượt một đoạn đường chỉ có vài dặm để tới được đảo Khong ở phía trên con thác. Tại đây đoàn được tiếp đón nồng hậu, lần đầu tiên lại được ăn thịt bò tươi sau hơn hai tháng rời Nam Vang. Họ tiếp tục đi thêm 5 ngày theo đường sông để tới được Bassac. Đó là một thị trấn khá lớn ở phía tây ngạn của con sông. Từ

đây Garnier dẫn một đoàn nhỏ đi khảo sát phụ lưu Se Don chảy vào sông Mekong phía bắc Bassac. Họ cũng cố tìm mỏ bạc ở đây theo lời đồn nhưng không có. Khảo sát sinh hoạt dân cư ở Bassac, người Pháp đã ghi nhận nếp sống nhàn nhã mà họ cho là “lười biếng” của người Lào tại đây. Tường cũng nên ghi nhận là đoàn thám hiểm luôn luôn phải tách ra thành các toán nhỏ do nhu cầu khảo sát thực tế và vẽ bản đồ từng vùng. Lagrée phụ trách thám sát cao nguyên Bolovens ở phía đông sông Mekong, rồi Attopeu. Nay đến lượt đến lượt Lagrée bị ngã bệnh nặng. Lại vẫn bệnh sốt rừng đáng kinh sợ của xứ Lào khiến Lagrée rũ liệt cả tay chân. Sau hơn 4 tháng kể từ ngày rời Sài Gòn, ngày 25 tháng 12, đoàn rời Bassac đi Ubon thuộc vùng đông bắc Thái Lan.

Cho tới giai đoạn này, ngoài sự quyết tâm, lòng can đảm và sức chịu đựng của đoàn thám hiểm, hình như họ vẫn chưa chịu chấp nhận một sự thật rõ ràng là con sông Mekong không thể là một thủy lộ để trao đổi thương mại giữa Nam Việt Nam và Trung Hoa.

Năm 1867: ngày 10 tháng 01, Garnier tách đoàn đi Angkor, trở lại Nam Vang trong nỗ lực kiếm giấy thông hành cho đoàn để có thể vào Trung Quốc. Ngày 20 tháng 01, đoàn rời Ubon đi Uthen. Ngày 10 tháng 03, sau 2 tháng rời đoàn, Garnier đã vượt qua chặng đường hơn 1500 cây số phần lớn bằng đường bộ trong những điều kiện ngặt nghèo. Garnier trở lại nhập đoàn tại Uthen để cùng đi Vạn Tượng.

Sau hơn 9 tháng Delaporte đã ghi chú được mấy trăm bức ký họa tuyệt đẹp bằng bút chì và màu nước, để sau này chuyển vào bản khắc gỗ như những trang ký sự bằng hình sống động nhất về thành quả hoạt động của Đoàn Thám Hiểm Sông Mekong vào giữa thế kỷ 19.

Ngày 02 tháng 04, đoàn tới Vạn Tượng, chứng kiến dấu vết tàn phá của người Thái trong quá khứ trên thủ đô tráng lệ này; nhưng riêng ngôi chùa Phật Wat Phakeo của hoàng gia vẫn còn đó, duy ngọc xá lợi đã bị lấy mất, có lẽ bị đưa về Thái Lan. Đoàn thám hiểm Pháp cũng đã tự ý lấy đi những bộ sách cổ quý giá trong thư viện chùa Si Sakhet với lý do biện minh “vì lợi ích khoa học.” Cuối cùng họ tới thăm That Luong, ngôi đền nổi tiếng nhất của Vạn Tượng được dựng lên từ thế kỷ 16_ là niềm hãnh diện và

cũng là biểu tượng của nước Lào; (ngay cả với người cộng sản Pathet Lào sau này cũng đã in hình That Luong trên đồng bạc mới của họ bên cạnh hoạt cảnh các chiến sĩ chống máy bay Mỹ trên Cánh Đồng Chum.)

Ngày 04 tháng 04, đoàn rời Vạn Tượng trở lại với đường sông từ Pak Lay đi Luang Prabang. Nhưng hơn 150 cây số dọc theo con sông là đồi núi trắc trở không có ngã vào, con sông thu hẹp lại với những thác ghềnh chạy giữa những khe núi đá và nếu vào mùa lũ thì vô phương di chuyển. Bây giờ đang còn là tháng 4 mùa khô, di chuyển cũng đã thật là chậm chạp và khó khăn, chỉ trông vào sức người kéo. Ròng rã suốt 3 ngày họ chỉ mới nhích tới chưa được 20 cây số với giày dép thì rách bươm do bờ sông đầy sỏi đá. Tiếp đến là khúc bờ sông cỏ mọc trên bùn lầy với những nhúc bầy đĩa đói nhưng rồi cuối cùng đoàn cũng tới được Chiang Khan, danh giới phía nam của Luang Prabang. Đoàn thám hiểm Pháp cũng đang tiến gần tới vùng ảnh hưởng của người Anh từ phía Miến Điện, với nơm nớp nỗi lo ngại sẽ bị người Anh phồng tay trên tất cả công lao như những người đầu tiên khảo sát vùng thượng nguồn sông Mekong và vùng ảnh hưởng chính trị của họ. Lagrée trưởng đoàn phải trấn an các bạn đồng sự là chính họ sẽ làm hơn đối thủ người Anh bằng cách hoàn tất cuộc khảo sát con sông Mekong lên tới ngọn nguồn bên cao nguyên Tây Tạng. Thời gian sau này đã chứng tỏ lời tuyên bố của Lagrée chỉ là lời hứa suông.

Sang đến ngày 23 tháng 04, đoàn lại phải đối đầu với một khúc ghềnh thác nữa. Một lần nữa họ lại phải rời đò xuống khỏi thuyền để có thể tiếp tục cuộc hành trình cho dù vô cùng chậm chạp. Nhưng rồi cuối cùng họ cũng tới được Luang Prabang, một thị trấn đang phát triển về thương mại, được bảo hộ bởi cả Thái Lan và Việt Nam nhưng lại khá xa 2 kinh đô Bangkok và Huế. Sau 4 tuần lễ lưu lại thị trấn này mà thời gian như những ngày hội_ en fête, sinh lực của đoàn như được hồi phục nhưng đồng thời con đường trước mặt là đầy những bất trắc.

• CỬA VÀO TRUNG QUỐC

Từ ngày rời Sài Gòn, đoàn hầu như bị cô lập với mọi nguồn tin tức. Những hướng dẫn mà họ nhận được từ đô đốc La Grandière đã cũ từ một năm trước ngày khởi hành. Nghĩa là cũng rất mù

mờ, khiến Lagrée với tư cách trưởng đoàn chọn thái độ “phản ứng theo hoàn cảnh”. Trước mặt tình cảnh hiện giờ ra sao họ không được biết. Họ chỉ nghe nói có phong trào người Hồi giáo nổi loạn dai dẳng ở tỉnh Vân Nam từ năm 1855; nay nếu đoàn tiến vào vùng tranh chấp ấy với giấy thông hành từ triều đình Bắc Kinh cấp thì quả là điều thiếu khôn ngoan. Đã thế sức khỏe của Lagrée ở cái tuổi 43, đã bị suy giảm trầm trọng qua cuộc hành trình đầy gian khổ, lại thêm bị các căn bệnh nhiệt đới hành hạ, khiến đưa tới câu hỏi là liệu Lagrée còn đủ sức lãnh đạo đoàn thám hiểm hay không, bên cạnh một Garnier đầy tham vọng và cá tính cũng rất khác. Khởi đầu Lagrée muốn chọn một lộ trình khác nhưng rồi cũng phải theo ý kiến Garnier là vẫn tiếp tục cuộc hành trình dọc theo con sông Mekong. Và đoàn đã để ra 2 tuần lễ chuẩn bị ngày lên đường với số hành trang thật tối thiểu. Các mẫu đất đá và tài liệu sưu tập bấy lâu vẫn mang theo đoàn thì nay được đóng thùng gửi về trước qua ngã Bangkok. Nhìn lại chuyến đi đã kéo dài gần một năm với bước tiến triển chậm hơn xa mức dự trù và số tiền vàng dự trữ đem theo cũng sắp cạn.

Ngày 25 tháng 05, đoàn rời Luang Prabang đi Chiang Kong, Mong Lin, Mong Yawing, Keng Khang, Keng Hung. Sau hơn 5 tháng gian khổ tưởng như đến kiệt sức, ngày 18 tháng 10 đoàn thám hiểm qua được biên giới Trung Hoa vào Tư Mao_ Ssu-mao.

Sau 15 tháng rời Sài Gòn, có lẽ họ là nhóm người Âu đầu tiên thành công vào “đất hứa Trung Hoa” qua ngã biên giới này. Cả đoàn cảm thấy nhẹ nhõm cho dù tình hình tại địa phương cũng không sáng sủa gì: vụ người Hồi giáo nổi loạn vẫn còn, lại thêm bệnh dịch tả đang hoành hành khắp tỉnh Vân Nam. Từ đây, Lagrée quyết định tiếp tục đi Nguyên Giang_ Yuan-Chiang trên đường tới Côn Minh, thủ phủ của Vân Nam. Bất hòa với trưởng đoàn, Garnier thì lúc nào cũng nung nấu với ý muốn tìm cho ra cội nguồn con sông Mekong đồng thời làm sao tìm cho được một thủy lộ để tới Vân Nam.

Ngày 16 tháng 11, đoàn tới Nguyên Giang, một thị trấn nằm bên bờ của một con sông khác. Sau hơn một giờ vượt lên một con dốc cao, cả đoàn bất ngờ đứng trước một khung cảnh hùng vĩ: trong khí hậu rất giống miền nhiệt đới, cả một

dòng sông lấp lánh dưới nắng chảy cuộn từ tây bắc về hướng đông nam mà họ biết rằng đó là con Sông Hồng chảy vào miền Bắc Việt Nam. Tại Nguyên Giang đoàn được tặng quà và tiếp đón nồng hậu.

Sau đó là chặng đường tới Côn Minh. Ngày 26 tháng 11, đoàn xuống thuyền xuôi dòng tới Pa-Y. Từ đây đoàn phải chuyển sang đường bộ đi Kiến Thủy_ Chien-Shui. Từ Kiến Thủy còn phải mất 3 tuần lễ nữa để tới được Côn Minh. Riêng Garnier được sự đồng ý của Lagrée, thì vẫn tiếp tục xuôi dòng mở cuộc thám sát Sông Hồng. Chưa bao lâu họ đã phải đi vào một vùng vách đá cao, rồi tiếp theo là những ghềnh thác mà theo Garnier thì vào mùa lũ vô phương có thể đi qua được bằng thuyền. Như vậy niềm hy vọng tràn trề ban đầu là không có cơ sở. Nhưng bây giờ không phải mùa lũ nên Garnier quyết định tiếp tục xuôi dòng Sông Hồng trong khi đám phu tháp tùng hoàn toàn không muốn. Lý do rất dễ hiểu là ngay sau đó, họ tới gần khúc sông chảy thật siết trước khi đổ vào một thác ghềnh vây quanh bởi những vách đá cao ngất. Garnier hiểu rằng bây giờ chẳng có tiền bạc hay đe dọa nào có thể bắt đám phu tùy tùng phải đi tới. Cuộc khảo sát xuôi dòng Sông Hồng tới đây kể như chấm dứt. Nhưng cũng chỉ rất sớm sau này Garnier được biết rằng nếu xuống xa hơn nữa đến Lào Cay thì từ đây khúc sông Hồng sẽ là đường thủy thuận tiện để giao thông đi lại.

Garnier sau đó quay trở lại Kiến Thủy và vẫn không ngừng bàn tán về tiềm năng của con Sông Hồng. Bắt nguồn từ kiêu căng và lòng yêu nước quá khích, khi đề cập tới vấn đề này, Garnier chỉ nghĩ tới quyền lợi đem về cho nước Pháp và cho rằng “đó thuần túy là vấn đề của riêng nước Pháp.” Đến lúc này thì Lagrée không thể không đồng ý với người phó trưởng đoàn nên trước khi chết, trong bản tường trình cuối cùng gửi về Sài Gòn, Lagrée lại nhắc tới Sông Hồng trong triển vọng thương mại từ Bắc Kỳ vào Trung Hoa. Có lẽ chính cả Lagrée và Garnier đều không biết rằng cùng lúc đó con buôn Jean Dupuis_ có tên Việt Nam là Đồ Phổ Nghĩa cũng đang thám sát khả năng lưu thông của Sông Hồng đi từ Bắc Việt lên Vân Nam. Vậy ai là người đầu tiên có “ý tưởng lớn” đó? Sau này thì chính Jean Dupuis lên tiếng nhận đó là phần công lao của mình.

Ngày 23 tháng 12, đoàn tới Côn Minh, đó là thị trấn lớn nhất mà họ đặt chân đến từ ngày đoàn rời Sài Gòn. Tại đây cũng là lần đầu tiên họ được gặp lại đồng hương là linh mục Potteau và phái đoàn truyền giáo Pháp. Vẫn theo Garnier thì “chính phục thuộc địa hay truyền đạo Kitô đều chỉ là những ngã đường khác nhau dẫn tới sự vinh quang cho nước Pháp”.

Năm 1868: ngày 08 tháng 01, đoàn rời Côn Minh và cũng biết rằng họ chỉ cách con sông Dương Tử vĩ đại khoảng hai tuần lễ đường bộ. Nếu xuôi theo con sông này đoàn sẽ nhanh chóng đặt chân tới Thượng Hải ở bờ biển phía đông Trung Hoa. Chọn lựa hấp dẫn đó có nghĩa là đi ngược lại mục tiêu ban đầu: thám hiểm miền viễn tây chưa biết của Châu Á. Sức khỏe của Lagrée lúc này hoàn toàn suy sụp đến mức không thể ngồi vững mà phải cáng đi theo đoàn; di chuyển chậm chạp trên khung cảnh cao nguyên trơ trọi đầy gió lạnh. Mãi tới tuần lễ thứ ba, với chặng cuối đi bằng đường sông, đoàn tới Hội Trạch_ Hui tse. Tại đây bằng những cố gắng phi thường, Lagrée vẫn gắng gượng ngồi dậy để tiếp xúc với giới chức địa phương với tư cách trưởng đoàn. Cùng một lúc bị viêm họng, sốt rét và nhất là bệnh kiết lỵ gây biến chứng áp xe gan, gần như kiệt sức, Lagrée phải làm việc với đoàn ngay tại giường bệnh. Lagrée nghe theo ý kiến Garnier để đoàn đi Đại Lý Ta-li tiếp tục cuộc khảo sát lên thượng nguồn sông Mekong. Và có lẽ đây là tài liệu cuối cùng mang chữ ký Lagrée với tư cách trưởng đoàn.

Ngày 30 tháng 01, đành lòng phải bỏ rơi Lagrée tại Hội Trạch cùng với bác sĩ Joubert; Garnier dẫn đoàn lên đường đi Đại Lý.

Riêng Lagrée cho dù với một cơ thể đang chết dần ấy vẫn không nguôi khắc khoải về sự thất bại tìm một thủy lộ trên sông Mekong “không lẽ thời gian và nỗi chịu đựng của chúng tôi là hoàn toàn lãng phí chẳng đem lại lợi lộc gì cho nước Pháp.” Để bù đắp lại, Lagrée không ngừng nhắc tới con Sông Hồng như con đường dẫn vào Trung Hoa.

Chứng kiến giữa cái sống và cái chết trước mắt của người trưởng đoàn, Joubert không còn chọn lựa nào khác hơn là đem Lagrée lên bàn mổ trong những điều kiện làm việc thô sơ nhất về dụng cụ và vô trùng. Vùng gan áp xe được rạch ra với nửa lít mủ và máu trộn lẫn, với kết quả

tức thời Lagrée bớt hẳn các cơn đau và mấy hôm sau đã gượng dậy đi lại được. Nhưng thực ra trong lá gan Lagrée còn một áp xe thứ hai mà Joubert không biết và không đụng dao tới. Vì vậy mà sang tháng 3, bệnh tình Lagrée mau chóng suy sụp trở lại và kết thúc bằng cái chết không thể tránh. Khi giải nghiệm tử thi, Joubert mới tìm ra ổ áp xe thứ hai bị bỏ sót. Xác Lagrée được mai táng tạm gần một ngôi chùa ngoài vòng thị trấn Hội Trạch.

Mãi tới ngày 2 tháng 4, Garnier mới nhận được tin Lagrée chết. Khi tới Đại Lý, tuy được gặp chức sắc Hội giáo nhưng họ không tin đoàn đích thực là người Pháp mà là người Anh. Với Garnier thì đó là một sự xúc phạm cùng cực. Tin xấu tiếp theo là đoàn bị vị sultan_ vua Hồi từ chối tiếp kiến, đồng thời buộc đoàn phải rời Đại Lý ngày hôm sau.

Không còn chọn lựa nào khác hơn, Garnier ra lệnh cho đoàn rời Đại Lý từ sáng tinh sương và phải mãi 11 ngày sau họ mới thực sự thoát ra khỏi vùng kiểm soát của người Hồi giáo. Trở lại Hội Trạch, sau cái chết của Lagrée, cuộc thám hiểm sông Mekong tới đây kể như thực sự chấm dứt. Đoàn còn lại 14 người rời Hội Trạch, đem theo quan tài Lagrée; ngày 20 tháng 04, họ xuống thuyền trên một phụ lưu của sông Dương Tử. Ngày 09 tháng 05, đoàn tới Hán Khẩu, tại đây lần đầu tiên Garnier gặp Jean Dupuis, một tay thương lái Pháp ở cái tuổi 40 với 8 năm sống ở Viễn đông, mặc y phục Á đông và thông thạo tiếng Trung Hoa. Lúc đó Jean Dupuis chuẩn bị xuống Vân Nam thương lượng cuộc buôn bán lớn về vũ khí. Mãi 5 năm sau Garnier và Dupuis mới gặp lại nhau lần thứ hai ở Hà Nội.

Từ Hán Khẩu đoàn đi Thượng Hải rồi xuống tàu về tới Sài Gòn ngày 29 tháng 06 năm 1868 với chiếc quan tài của người trưởng đoàn sau cuộc hành trình đầy gian khổ kéo dài hơn 2 năm 24 ngày với kết luận rõ ràng là sông Mekong không thể nào là thủy lộ giao thương từ Nam Việt Nam tới Trung Hoa.

Năm năm sau, Garnier từ Sài Gòn ra Bắc Kỳ và đích thân chỉ huy cuộc đánh chiếm Hà Nội ngày 20 tháng 11 năm 1873.

• SẮP QUA ĐI THỜI HOANG DÃ

Thời gian tuy qua đi hàng trăm năm_ giữa hai chuyến đi, một của đoàn thám hiểm Pháp vào

giữa thế kỷ 19, và một chuyến đi mới đây của ký giả Thomas O'Neill cuối thế kỷ 20_ xen vào đó là ngót một nửa thế kỷ chiến tranh và bom đạn, vậy mà con sông Mekong hầu như vẫn di chuyển với nhịp độ của thửa xa xưa ấy: qua mùa khô rồi tới mùa mưa lũ, với con nước lên xuống và không ngừng đem phù sa tồ bồi cho các vùng đất đai và nuôi sống những người dân sống quanh đó. Theo suốt chiều dài 4200 cây số của con sông ấy cũng chỉ mới có một thành phố lớn là thủ đô Nam Vang, cộng thêm vài con đập, một cây cầu mới Hữu Nghị Mittaphap nối thủ đô Vọng Tượng với thị trấn Nong Khai Thái Lan và bắt đầu có một khu kỹ nghệ Vân Nam sau con đập Man Wan.

Bây giờ thì các cuộc chiến tranh đã tạm qua đi và “Những Cánh Đồng Chết” vẫn chưa phơi pha trong ký ức người sống, nhưng rồi người ta cũng phải cố mà quên đi những đau thương và thù hận để nghĩ tới hợp tác và phát triển. Đó cũng là bắt đầu giai đoạn chấm dứt thời hoang dã của con sông Mekong. Con sông ấy sẽ được khai thác biến đổi song song với sự biến đổi của các chế độ chính trị và của chính đám dân cư trong vùng. Nhưng là biến đổi thế nào? Đem lại hạnh phúc điều hòa chung cho toàn vùng hay phát triển cục bộ của nước này lại là phá hoại sự cân bằng môi sinh của những nước khác. Câu trả lời đòi hỏi mối quan tâm và nhiều công sức không phải chỉ ở những thành viên của Ủy Hội Sông Mekong, các nhà lãnh đạo mà còn là của tất cả những người Việt chúng ta bên trong cũng như ngoài nước.

NGÔ THẾ VINH

(04/97)

Tham Khảo:

(1) Louis Delaporte / Francis Garnier. A Pictorial Journey On The Old Mekong: Cambodia, Laos, Yunnan. The Mekong Exploration Commission Report(1866-1868)_ Volume 3. White Lotus Press 1998, Bangkok Thailand

(2) River Road to China, The Mekong River Expedition 1866-1873, Milton Osborne, Liveright New York 1973.

(3) The Mekong River, Thomas O'Neill, National Geographics, Feb.93.

(4) The Mekong Currency, Lives and Times of a River, Liesbeth Sluiter, International Books, The Netherlands 1993.

Nguồn: <http://mekongriver.org/>